

Số: **232** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **08** tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán hạng mục dự án hoàn thành,
Công trình: Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu
tỉnh Đắk Nông, Gói thầu số 8: Sân vườn, hàng rào,
hệ thống điện tổng thể (giai đoạn II)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính,
quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 29/TTr-STC ngày
02 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán hạng mục dự án hoàn thành:

1. Công trình: Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk
Nông, Gói thầu số 8: Sân vườn, hàng rào, hệ thống điện tổng thể (giai đoạn II).

2. Chủ đầu tư: Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Địa điểm xây dựng: Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Thời gian thi công:

- Sân vườn, hàng rào (Công ty cổ phần Hà Đô 4)

Ngày khởi công: 4/7/2009; Ngày hoàn thành: 20/12/2013.

- Trồng cây xanh, cỏ (Công ty TNHH Cây xanh Công Minh)

Ngày khởi công: 4/7/2009; Ngày hoàn thành: 11/7/2013.

- Hệ thống điện (Công ty TNHH Đông Đô):

Ngày khởi công: 4/7/2009; Ngày hoàn thành: 05/7/2014.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

| Nguồn | Được duyệt | Thực hiện | |
|--------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
| | | Đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| Tổng số | 8.761.206.000 | 9.428.990.000 | -667.784.000 |
| Ngân sách nhà nước | 8.761.206.000 | 9.428.990.000 | -667.784.000 |

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

| Nội dung | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|--------------------|------------------------|----------------------|
| Tổng số | 102.853.000.000 | 8.761.206.000 |
| - Chi phí xây dựng | 80.549.180.000 | 8.761.206.000 |
| - Chi phí thiết bị | 16.003.499.000 | 0 |
| - Chi phí khác | 6.287.774.000 | 0 |
| - Chi phí dự phòng | 12.547.000 | 0 |

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Tám tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

| Nội dung | Thuộc Chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số | 8.761.206.000 | | | |
| - Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 8.761.206.000 | | | |
| - Tài sản ngắn hạn | | | | |

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư hạng mục công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

| Nguồn | Số tiền | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------|
| Tổng số | 8.761.206.000 | |
| Ngân sách nhà nước | 8.761.206.000 | |

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 22 tháng 5 năm 2015 (ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán) là:

- Tổng nợ phải trả: 0 đồng
- Tổng nợ phải thu: 667.784.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết đính kèm)

1.3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ đã cung cấp để thẩm tra quyết toán dự án này.

1.4. Giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn theo quy định.

1.5. Tiến hành lập báo cáo quyết toán hạng mục chưa được quyết toán và lập báo cáo tổng quyết toán dự án sau khi dự án hoàn thành.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|------------------------------|-------------------------|------------------|
| Văn phòng Tỉnh ủy | 8.761.206.000 | 0 |

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH.

3

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn

PHỤ LỤC
CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ
CÔNG TRÌNH: TRỤ SỞ LÀM VIỆC TỈNH ỦY VÀ KHO LƯU TRỮ TÀI LIỆU
TỈNH ĐẮK NÔNG, GÓI THẦU SỐ 8: SÂN VƯỜN, HÀNG RÀO,
HỆ THỐNG ĐIỆN TỔNG THỂ (GIAI ĐOẠN II)

(Kèm theo Quyết định số 232 /QĐ-UBND ngày 08 /02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí | Giá trị quyết toán | Số đã thanh toán | Công nợ | |
|----------|--|----------------------|----------------------|-------------|--------------------|
| | | | | Nợ phải trả | Số phải thu |
| | Tổng số | 8.761.206.000 | 9.428.990.000 | - | 667.784.000 |
| I | Chi phí xây dựng gói thầu số 8: Sân vườn, hàng rào, hệ thống điện tổng thể (giai đoạn II) | 8.761.206.000 | 9.428.990.000 | - | 667.784.000 |
| 1 | Sân vườn, hàng rào (Công ty cổ phần Hà Đô 4) | 4.272.140.000 | 4.371.216.000 | - | 99.076.000 |
| 2 | Trồng cây xanh, cỏ (Công ty TNHH Cây xanh Công Minh) | 3.396.646.000 | 3.965.354.000 | - | 568.708.000 |
| 3 | Hệ thống điện (Công ty TNHH Đông Đô) | 1.092.420.000 | 1.092.420.000 | - | |

Đơn vị tính: Đồng